



VẤN ĐỀ NỢ XẤU VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CẤP THIẾT

TS. Hoàng Xuân Hòa và ThS. Trần Kim Anh *

Nợ xấu tại các tổ chức tín dụng (TCTD) và giải pháp để giải quyết đang là vấn đề “nóng” và “trọng yếu” của quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam, của quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và đang được toàn xã hội quan tâm. Bài viết sau đây xin bàn luận thêm về thực trạng nợ xấu tại các TCTD Việt Nam và các giải pháp cấp thiết để xử lý.

1. Thực trạng nợ xấu của các TCTD và nguyên nhân

Theo tiêu chuẩn phân loại quốc tế, mức cảnh báo cần xem xét khi nợ xấu ở ngưỡng trên 3% GDP, trong khi đó hiện mức nợ xấu của nước ta đã ở mức đáng báo động vượt hơn mức chuẩn quốc tế rất nhiều và nguy cơ lớn hơn là trong điều kiện tăng trưởng kinh tế thấp, thị trường bất động sản đóng băng sẽ càng làm nợ xấu tăng nhanh, khó xử lý hơn. Các quốc gia khi rơi vào tình trạng nợ xấu đều phải có những giải pháp xử lý kịp thời.

Nợ xấu cao trong các TCTD là vấn đề hết sức nghiêm trọng đối với mỗi quốc gia. Đây là hệ quả của những yếu kém về quản lý, điều hành trong quá trình phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường; nợ xấu cao sẽ là vật cản kìm hãm, làm chậm quá trình luân chuyển vốn của nền kinh tế và tác động tiêu cực đến sản xuất, lưu thông hàng hoá. Theo báo cáo của các ngân hàng thương mại (NHTM), tỷ lệ nợ xấu toàn ngành tại thời điểm

30/11/2012 là 3,43%. Tuy nhiên, theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trước Quốc hội, nợ xấu tại thời điểm thanh tra của NHNN là 8,82% tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế, tương đương khoảng 250.000 tỷ đồng (khoảng 12 tỷ USD), chiếm khoảng 10%GDP. Ngoài ra, con số nợ xấu này chưa tính đến nợ tồn đọng xây dựng cơ bản (chủ yếu của các địa phương), hiện đang dự tính khoảng 90.000 tỷ đồng. Theo các chuyên gia kinh tế, nợ xấu tập trung chủ yếu vào lĩnh vực bất động sản và chứng khoán; trong đó nợ xấu tại khu vực doanh nghiệp nhà nước rất lớn. Những số liệu của một số nhà nghiên cứu cho thấy khu vực doanh nghiệp nhà nước hiện đóng góp vào 70% nợ xấu của toàn hệ thống, trong đó các tập đoàn kinh tế, tổng công ty chiếm 53% số nợ xấu.

Từ năm 2009 đến nay, nợ xấu của các TCTD có xu hướng tăng nhanh và chưa có dấu hiệu dừng lại: năm 2008 tăng 74%, năm 2009 tăng khoảng 27%, 2010 tăng 41%, 2011 tăng 64% và 10 tháng đầu năm 2012 tốc độ tăng đã đạt 66%. Trong khi đó tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng suy giảm mạnh. Như vậy, trong 10 năm qua, tín dụng liên tục bùng nổ và tăng trưởng bình quân vào khoảng 33%/năm nhưng khi tín dụng tăng trưởng thấp trong bối cảnh sản xuất kinh doanh đình trệ thì tỷ lệ nợ xấu lại càng trở nên rõ ràng hơn. Nợ xấu theo nhóm ngành nghề của các TCTD cũng tăng, trong đó có 6 ngành kinh tế chiếm tỉ lệ nợ xấu cao nhất, đó là: công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 22,5% tổng nợ xấu toàn hệ thống; hoạt động kinh

doanh bất động sản và dịch vụ là 7,83% và 19,25%; buôn bán, sửa chữa, ô tô, xe máy 18,52%; vận tải, kho bãi chiếm 11% và xây dựng là 9,5%. Việc gia tăng nợ xấu nhóm thương mại và dịch vụ, trong đó vận tải biển tăng cho thấy khó khăn của thị trường tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ trong nước và quốc tế đã tác động mạnh đến ngành này. Xu hướng gia tăng nợ của các doanh nghiệp sẽ góp phần làm cho tình hình nợ xấu của các TCTD ngày càng nghiêm trọng hơn¹. Ngoài ra, nợ xấu của các doanh nghiệp nhà nước cũng chưa được phản ánh trung thực, do cách hạch toán, phân loại nợ. Đây lại là nơi khó thanh lý tài sản hoặc cổ phần nhà nước theo giá thị trường trong giai đoạn kinh tế suy giảm mạnh (khác với các doanh nghiệp tư nhân, vốn có thể dễ dàng bán tài sản hoặc nhượng cổ phần cho các doanh nghiệp khác để có tiền trả nợ ngân hàng nhằm tránh phá sản). Vì vậy, các khoản nợ mà các doanh nghiệp nhà nước vay thường phải trông đợi vào sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước dưới các hình thức xoá nợ, khoan nợ, chuyển nợ, bổ sung vốn,... Một đặc điểm nổi bật trong nợ xấu của các TCTD và của các doanh nghiệp Việt Nam gắn chặt chẽ với khu vực bất động sản. Dư nợ cho khu vực này vay chiếm dưới 16% nhưng các tài sản thế chấp bằng bất động sản cho các khoản vay khác nhau chiếm tới 60 - 70% tổng giá trị tài sản thế chấp. Khi thị trường bất động sản suy giảm, những khoản nợ xấu, nợ quá hạn được thế chấp bởi bất động sản sẽ rất khó thanh lý. Bên cạnh đó, chế tài xử lý các tài sản

* Vụ Kinh tế, Văn phòng Trung ương Đảng



đảm bảo chưa minh bạch, thuận lợi. Chưa có cơ chế phù hợp để xử lý các tài sản đảm bảo, thế chấp tại ngân hàng. Do vậy, ngân hàng thường khó xử lý, phát mại các tài sản để bù đắp các khoản nợ khó đòi. Việc thanh lý mạnh các tài sản thế chấp sẽ lại tiếp tục khiến cho giá bất động sản suy giảm thêm và làm trầm trọng thêm tình hình nợ xấu của nền kinh tế. Chính đặc điểm này khiến cho công tác xử lý nợ xấu sẽ càng gặp nhiều trở ngại hơn trong bối cảnh suy giảm chung của nền kinh tế.

Nợ xấu của các TCTD làm ách tắc dòng chu chuyển vốn trong nền kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực không chỉ đối với các TCTD mà còn cả đối với khu vực doanh nghiệp. Do bị đọng vốn trong nợ xấu, các TCTD không có điều kiện mở rộng tín dụng cho nền kinh tế, và hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn hơn. Ngoài ra, nợ xấu còn ảnh hưởng lớn đến tính an toàn, hiệu quả và tính thanh khoản của các TCTD. Nợ xấu hiện nay đã làm tăng chi phí và ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả hoạt động kinh doanh, tài chính của các doanh nghiệp.

Về nguyên nhân nợ xấu của các doanh nghiệp tăng cao có thể thấy chủ yếu do một số nguyên nhân cơ bản sau:

(1) Tổ chức, nhân sự và biện pháp quản trị rủi ro của các NHTM còn nhiều hạn chế, chỉ có khoảng 40% NHTM tiếp cận được chuẩn quốc tế (Basel 3);

(2) Chạy đua tăng trưởng tín dụng diễn ra trong thời gian dài, luôn trên 20%, thậm chí lên tới 51,39% (năm 2007), cùng với việc nói lỏng điều kiện cho vay khiến nợ xấu tăng cao;

(3) Tác động của kinh tế thế giới phục hồi chậm và kinh tế trong nước tăng trưởng chậm lại làm cho doanh nghiệp gặp khó khăn

trong sản xuất, kinh doanh, hàng tồn kho tăng cao, không còn khả năng trả nợ ngân hàng. Đối với khu vực DNNN có nợ xấu nhiều là do khu vực này được hưởng những ưu đãi về tín dụng nên các DNNN có xu hướng sử dụng đòn bẩy tài chính nhiều hơn các doanh nghiệp khu vực khác. Tuy tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của DNNN có xu hướng giảm trong những năm gần đây nhưng vẫn ở mức 2,52 lần vào năm 2009, cao hơn nhiều so với mức 1,78 lần của khu vực tư nhân và 1,39 lần của khu vực vốn FDI. Các DNNN trung ương thậm chí có tỷ lệ này cao hơn, lên tới 3,53 lần.

(4) Sở hữu chéo, đầu tư ngoài ngành của các ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước diễn ra phổ biến đã dẫn tới các khoản cho vay, đầu tư lòng vòng, bất chấp quy định, gây hậu quả nghiêm trọng;

(5) Một số cán bộ ngân hàng suy thoái đạo đức nghề nghiệp, cấu kết, móc ngoặc với doanh nghiệp để trục lợi cá nhân và cho vay không đúng quy định;

(6) Hiệu quả công tác thanh tra, giám sát còn hạn chế, nhất là không kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm quy định về hạn chế cấp tín dụng và đầu tư một số lĩnh vực rủi ro cao.

Trong thời gian qua, Chính phủ đã áp dụng một số biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, góp phần giảm nợ xấu của các doanh nghiệp. Cụ thể là: (1) Chính sách miễn giảm thuế, phí (thuế thu nhập doanh nghiệp, VAT, thuế sử dụng đất...) đã hỗ trợ doanh nghiệp có thêm nguồn lực để duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đối tượng áp dụng rộng rãi, gồm các doanh nghiệp được hưởng lợi trực tiếp và cả các doanh nghiệp được hưởng lợi gián tiếp thông qua quan hệ mua bán - đầu vào, đầu ra (hơn 200.000

doanh nghiệp được gia hạn thuế VAT, với số tiền trên 10.000 tỉ đồng; giải quyết nợ thuế thu nhập cho trên 8.200 doanh nghiệp với số tiền 347 tỉ đồng; giảm 50% thuế cho hơn 3.000 doanh nghiệp với số tiền 339 tỉ đồng; giải quyết thuế môn bài cho hơn 40.000 hộ đánh bắt hải sản...). (2) Các NHTM đã rà soát các khoản vay, tập trung tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ giãn nợ và đơn giản hóa thủ tục vay cho doanh nghiệp có kết quả kinh doanh và phương án kinh doanh tốt; lãi suất cho vay đối với lĩnh vực ưu tiên giảm mạnh xuống 13%. (3) Các Bộ, ngành đã xây dựng và triển khai nhiều chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, củng cố, xây dựng và mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế trong nước và kinh tế thế giới, doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn: (1) Số lượng doanh nghiệp phá sản tiếp tục tăng. Trong 7 tháng đầu năm 2012, số lượng doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động lên tới 195.200 (chiếm 29,4% số doanh nghiệp đăng ký); trong đó có 30.300 doanh nghiệp đã đóng cửa, phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa (tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2011); (2) Doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận vốn vay, nhất là thời gian cho vay ngắn (3 - 6 tháng); hạn mức cho vay chỉ đáp ứng 30 - 50% nhu cầu vay của doanh nghiệp. Mặt khác, việc thực thi các cam kết về giảm, giãn nợ của ngân hàng còn hạn chế do Ngân hàng Nhà nước chưa có hướng dẫn thực hiện cụ thể và chế tài xử phạt chưa rõ ràng nên nhiều NHTM vẫn đặt điều kiện khắt khe về tài sản thế chấp, yêu cầu trả nợ cũ; (3) Tác động của biện pháp



Xử lý nợ xấu luôn là vấn đề trọng tâm của các TCTD

miễn, giảm thuế (giảm thuế thu nhập, thuế môn bài) còn hạn chế do hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ hoặc không có lãi nên số tiền được miễn giảm không nhiều; (4) Các biện pháp xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư đạt kết quả chưa cao, thị trường tiêu thụ tiếp tục bị thu hẹp, hàng tồn kho tăng cao, nhất là hàng nông sản, thực phẩm, công nghiệp, vật liệu xây dựng..., sức mua giảm mạnh; (5) Công tác quản lý thị trường, điều hành giá cả các mặt hàng thiết yếu còn nhiều bất cập (giá điện, giá xăng tăng) ảnh hưởng chi phí sản xuất và gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hạ giá thành sản phẩm và giải quyết hàng tồn kho.

Đối với nợ xấu tại khu vực DNNN để giải quyết lại càng khó khăn hơn. Khác với các doanh nghiệp tư nhân, vốn có thể dễ dàng bán tài sản hoặc nhượng cổ phần cho các doanh nghiệp khác để có tiền trả nợ ngân hàng nhằm tránh phá sản, các DNNN rất khó có thể bán tài sản hoặc cổ phần nhà nước theo giá thị trường trong giai đoạn kinh tế suy thoái. Vì vậy, các khoản nợ mà các DNNN vay thường phải trông đợi vào sự hỗ trợ của ngân

sách nhà nước dưới các hình thức xóa nợ, khoan nợ, chuyển nợ, bổ sung vốn,...

Các hình thức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, từ khoan nợ (như việc khoan nợ cho Vinashin tại các NHTM) thì Chính phủ vẫn phải bỏ một phần tiền ra để bù đắp; hình thức chuyển nợ (như của Vinashin cho Vinalines và PVN) có thể khiến các DNNN khác lâm vào khó khăn và cuối cùng gánh nặng lại đè lên vai Nhà nước; hình thức bổ sung vốn (như tăng vốn điều lệ cho DNNN) thì đó vẫn là tiền từ ngân sách nhà nước. Trong khi đó, tỷ lệ nợ công của Việt Nam đang ở mức rất cao (54,8% GDP năm 2011) và nguy cơ thâm hụt ngân sách trong năm 2012 tăng trở lại do nguồn thu giảm trong khi nguồn chi lại tăng, thì khả năng hỗ trợ của ngân sách nhà nước để giảm nợ của khu vực DNNN sẽ càng khó khăn hơn và nguy cơ dẫn đến nợ công ngày càng tăng cao.

2. Một số giải pháp để giải quyết nợ xấu trong hệ thống ngân hàng

Từ kinh nghiệm thực tế của thế giới cho thấy, để giải quyết vấn đề nợ xấu trong nền kinh tế phải mất một thời gian khá dài từ 5 đến 10 năm, do vậy đối với Việt Nam, chúng

ta cần phải có một lộ trình mang tính chiến lược cụ thể thì mới có thể giải quyết tận gốc rễ của vấn đề. Cần sử dụng đa dạng các biện pháp can thiệp, cả vai trò hỗ trợ của Nhà nước và sự chủ động của các NHTM, trong sự phối hợp với các doanh nghiệp. Cụ thể là:

Thứ nhất, nợ xấu là vấn đề không thể xử lý ngay được mà phải có lộ trình cụ thể, lâu dài. Trước mắt, các TCTD phải chủ động tự xử lý nợ xấu thông qua việc nâng cao chất lượng quản trị điều hành, kiểm toán nội bộ, phát triển hệ thống quản trị rủi ro và các chiến lược phát triển kinh doanh, thủ tục cấp tín dụng theo hướng lành mạnh, thận trọng; phối hợp với khách hàng vay để cơ cấu lại nợ và xem xét miễn giảm lãi suất hợp lý cho khách hàng có triển vọng tốt sau cơ cấu lại nợ. Tăng cường trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu, đôn đốc, thu hồi nợ, xử lý tài sản đảm bảo. Bên cạnh đó, khách hàng vay cũng phải tự củng cố, chấn chỉnh hoạt động, nâng cao năng lực tài chính, quản trị, tăng cường ứng dụng công nghệ và khả năng cạnh tranh, cơ cấu lại nợ, tháo gỡ khó khăn sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh thoái vốn đầu tư ngoài ngành của các doanh nghiệp.

Thứ hai, vấn đề nợ xấu có liên quan rất lớn tới hàng tồn kho và bất động sản. Do đó, cần phải tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng và tăng trưởng kinh tế như tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư phát triển bằng nguồn vốn trong nước và nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu, tổ chức và quản lý có hiệu quả thị trường tiêu thụ hàng hóa, kích thích đầu tư, mua hàng hóa bất động sản như việc mua lại



một số công trình bất động sản sắp hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng chưa bán được để phục vụ cho an sinh xã hội. Ban hành cơ chế chính sách xử lý nợ xấu trong ngắn hạn, không để vấn đề lợi ích nhóm chi phối, không biến nợ ngân hàng thành nợ của Chính phủ để cuối cùng Nhà nước phải chịu. Ngân sách nhà nước sẽ được bố trí sử dụng hợp lý trong việc mua lại các dự án bất động sản để phục vụ cho các mục đích công, nhà ở chính sách, nhà ở xã hội; phục vụ để kinh doanh thông qua các công ty quản lý tài sản nhà nước như Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), Công ty mua bán nợ...; mua xóa nợ cho nông dân do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, những tổn thất do sự bất ổn của thị trường...; xử lý nợ đầu tư công của các chính quyền địa phương để thúc đẩy doanh nghiệp luân chuyển vốn vay khi ngân sách thanh toán (theo ước tính nợ tồn đọng xây dựng cơ bản khoảng 91 nghìn tỉ đồng). Có biện pháp xử lý đối với các khoản nợ xấu phát sinh do thực hiện cho vay theo chỉ đạo hoặc chủ trương, chính sách của Chính phủ mà không có tài sản đảm bảo và không có khả năng thu hồi; các khoản vay đầu tư công ứng trước của chính quyền địa phương.

Thứ ba, cần phân loại nợ xấu để có biện pháp xử lý riêng phù hợp. Nợ xấu ở các TCTD chính là nợ không khả năng chi trả của khách hàng mà phần lớn là doanh nghiệp, nợ xấu nằm trong mạng lưới nợ của các doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp đang nợ ngân hàng lại nằm trong mạng lưới nợ lẫn nhau. Do đó, nếu xử lý không khéo thì sẽ kéo theo sự sụp đổ dây chuyền. Vì thế, cần phải có giải pháp cụ thể cho từng loại nợ xấu, từng loại doanh nghiệp để bảo đảm xử lý tốt nợ xấu.

Thứ tư, theo kinh nghiệm nhiều

nước, cần lập Ủy ban Nhà nước xử lý nợ, có sự tham gia của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và các cơ quan giám sát khác nhau, tạo điều kiện cho Nhà nước chủ động can thiệp để hỗ trợ thị trường. Quan trọng nhất là công khai minh bạch quá trình xử lý này, với sự chỉ đạo thống nhất, tránh bị lợi dụng, từng bước đạt chuẩn nợ xấu theo thông lệ quốc tế.

Hình thành Công ty mua bán nợ xấu quốc gia, có chức năng, nhiệm vụ xử lý nợ xấu thông qua hoạt động mua bán hoặc chứng khoán hóa tài sản xấu của các doanh nghiệp. Ở một số nước thành lập các công ty mua bán nợ quốc gia trong điều kiện thị trường chứng khoán phát triển, các khoản nợ xấu chủ yếu là các tài sản phái sinh, dễ dàng chuyển nhượng; ở nước ta, gần với tài sản là bất động sản, sản phẩm dở dang... do vậy, cần hình thành thị trường các công ty mua bán nợ với các quy mô nhỏ, linh hoạt để tham gia vào để điều chỉnh thị trường, chứ không nên chỉ thành lập một công ty để gom tất cả các khoản nợ xấu và tài sản thế chấp vào đây được.

Thứ năm, tranh thủ sự ủng hộ của các định chế tài chính và tạo điều kiện cho nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào quá trình xử lý nợ xấu. Tham vấn kinh nghiệm của các định chế tài chính lớn (IMF, WB...) trong quá trình cải cách hệ thống tài chính, ngân hàng, đồng thời tranh thủ nguồn vốn của các tổ chức này nhưng không chấp nhận điều kiện ràng buộc để tránh sự tác động, can thiệp vào các quyết sách điều hành kinh tế.

Thứ sáu, hoàn thiện cơ chế chính sách về quy định về quản lý tín dụng và an toàn hoạt động ngân hàng cũng như về việc giải quyết tài sản đảm bảo của các TCTD khi khách hàng không trả được nợ.

Thứ bảy, các ngân hàng sử dụng các công cụ dự phòng của mình, cũng như việc tái cơ cấu doanh nghiệp và ngân hàng để có tình trạng nợ xấu được lành mạnh hơn, vấn đề này có thể xử lý để giảm nhẹ một phần tình trạng nợ xấu; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các NHTM nhỏ, yếu kém hợp nhất, sáp nhập với các ngân hàng lớn, sử dụng tiềm lực tài chính của các ngân hàng lớn để xử lý nợ xấu.

Thứ tám, cần nắm rõ tình trạng nợ xấu với số liệu chính xác để có các giải pháp kịp thời, phù hợp với thực tế. ■

Theo Đề án tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp nhà nước của Bộ Tài chính năm 2012 thì dư nợ của 80/96 tập đoàn, tổng công ty nhà nước đến cuối 2010 là 872.860 tỉ đồng, bằng 1,6 lần vốn chủ sở hữu. Tính đến cuối năm 2011 dư nợ vay ngân hàng của doanh nghiệp nhà nước lớn đạt trên 415.000 tỉ đồng, tương đương gần 17% tổng dư nợ tín dụng tại các ngân hàng. Trong đó, nợ vay của 12 tập đoàn kinh tế nhà nước lên tới gần 218.740 tỉ đồng, dư nợ lớn nhất thuộc về những doanh nghiệp lớn như Tập đoàn Dầu khí (PVN - 72.300 tỉ), điện lực (EVN - 62.800 tỉ đồng), Than và Khoáng sản (Vinacomin - 19.600 tỉ đồng)... Với những con số như trên thì nợ xấu của khu vực tập đoàn, tổng công ty trong hệ thống ngân hàng sẽ chiếm tới 30-35% tổng dư nợ của khối này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Đề án "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước" của Ban Cán sự Đảng Chính phủ.
- Tài liệu hội nghị: "Tổng kết mười năm sắp xếp đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước 2001 - 2011".
- Dự thảo đề án "xử lý nợ xấu của hệ thống tổ chức tín dụng" của Ban cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước năm 2011 - 2012.
- Báo cáo của Tổ nghiên cứu độc lập BIDV về tình hình kinh tế 2012 dự báo 2013.
- <http://vneconomy.com.vn>: "6 ngành ngốn gần 100.000 tỷ đồng nợ xấu" ngày 10/11/2012.